|  |
| --- |
| QUY HOẠCH TỈNH QUẢNG NAM THỜI KỲ 2021-2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050  **QUY HOẠCH TỈNH QUẢNG NAM THỜI KỲ 2021 – 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050**  **“Phương án phát triển hạ tầng xã hội: Văn hóa, thể thao; giáo dục, đào tạo; giáo dục nghề nghiệp; y tế; hạ tầng an sinh xã hội”**  **-----------------------------**    **Quảng Nam, năm 2022** |

# MỤC LỤC

[MỤC LỤC 1](#_Toc103596328)

[I. Phần mở đầu 2](#_Toc103596329)

[1. Mục tiêu tổng quát 2](#_Toc103596330)

[2. Mục tiêu cụ thể 2](#_Toc103596331)

[II. Thực trạng phát triển hạ tầng xã hội 2](#_Toc103596332)

[1. Thực trạng dân tộc, tín ngưỡng, tôn giáo 2](#_Toc103596333)

[2. Thực trạng văn hoá, thể thao 3](#_Toc103596334)

[3. Thực trạng giáo dục và đào tạo: 7](#_Toc103596335)

[4. Thực trạng y tế, chăm sóc sức khỏe nhân dân 8](#_Toc103596336)

[III. Phương án phát triển hạ tầng xã hội 10](#_Toc103596337)

[1.Văn hoá, thể thao 10](#_Toc103596338)

[1.1 Dân tộc, tín ngưỡng, tôn giáo 10](#_Toc103596339)

[1.2 Hệ thống văn hoá, nghệ thuật, TDTT vùng 11](#_Toc103596340)

[2. Hệ thống giáo dục, đào tạo vùng 13](#_Toc103596341)

[3. Giáo dục nghề nghiệp 14](#_Toc103596342)

[4. Hệ thống y tế vùng 16](#_Toc103596343)

[5. Hạ tầng an sinh xã hội 17](#_Toc103596344)

# I. Phần mở đầu

## 1. Mục tiêu tổng quát

Quảng Nam có trình độ phát triển cao cả về kinh tế và văn hóa, xã hội. Kinh tế tăng trưởng nhanh và ổn định, có giá trị và chất lượng tăng trưởng cao, có cơ cấu kinh tế hợp lý theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa, từng bước xây dựng và phát triển nền kinh tế tri thức. Văn hóa phát triển phong phú, đa dạng trên cơ sở tiếp thu có chọn lọc, phát triển các giá trị văn hóa toàn cầu và gìn giữ, phát huy truyền thống, bản sắc dân tộc. Xã hội phát triển hài hòa, lành mạnh, văn minh.

Đời sống vật chất và tinh thần của người dân được nâng cao. Trình độ dân trí, chất lượng nguồn nhân lực đạt được tầm cao mới hơn hẵn so với hiện tại. Các tiện ích cơ bản và tiện nghi sinh hoạt được cải thiện rõ rệt.

Hệ thống hạ tầng xã hội được xây dựng đồng bộ, hiện đại để tạo nền tảng vững chắc cho sự phát triển mạnh mẽ trong những giai đoạn tiếp theo.

## 2. Mục tiêu cụ thể

Hệ thống phúc lợi xã hội (y tế, giáo dục...) được chú trọng đầu tư phát triển.

Hoàn thành phổ cập trung học cơ sở, tiến tới phổ cập trung học phổ thông vào năm 2030; tạo bước đột phá trong chuyển dịch cơ cấu lao động.

Đảm bảo tốt công tác chăm sóc bảo vệ sức khoẻ cho nhân dân ở tất cả các tuyến. Thực hiện có hiệu quả các chương trình y tế quốc gia.

Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn mới giảm bình quân mỗi năm từ 2,5 – 3%. Chỉ số phát triển con người (HDI) ở mức trung bình của cả nước.

# II. Thực trạng phát triển hạ tầng xã hội

## 1. Thực trạng dân tộc, tín ngưỡng, tôn giáo

Quảng Nam là vùng đất đa dạng tộc người (37 tộc người), đa dạng tôn giáo (11 tôn giáo). Theo thống kê dân số năm 2019 của Tỉnh Quảng Nam, trong tổng số dân 1.495.812 người dân tộc Kinh chiếm đến hơn 92%, các dân tộc thiểu số khác có 140.590 người, chiếm khoản 8% dân số toàn tỉnh. Trong số các dân tộc thiểu số, 04 dân tộc định cư lâu đời trên vùng đất này chiếm tỷ lệ hơn 90% dân tộc thiểu số trên địa bàn toàn Tỉnh bao gồm: dân tộc Cơ-tu (3,2%), Xơ-đăng (2,7%), Gié - Triêng (1,3%) và dân tộc Co (0,4%).

Dân tộc thiểu số tỉnh Quảng Nam (đối với cư dân bản địa/tại chỗ) phần lớn có nguồn từ cộng đồng cư dân thuộc nhóm ngôn ngữ Môn – Khơ me, như dân tộc Cơ-tu, M’nông, Gié - Triêng, Xơ-đăng, Co, Ba Na... và một số tộc người thuộc nhóm ngôn ngữ Mã Lai - Đa đảo, như dân tộc Chăm, Êđê, Gia Rai… Quảng Nam hiện có hơn 600 đình, đền, miếu mạo (chưa kể các nhà thờ tộc họ) nên vấn đề về đất đai, xây dựng, tín ngưỡng, còn nhiều chuyện cần quản lý. Về tôn giáo, có hơn 200 nghìn tín đồ thuộc các hệ phái tôn giáo, tín ngưỡng khác nhau trong đó 14 tổ chức được nhà nước công nhận. Còn có rất nhiều tổ chức tôn giáo khác đăng ký hoạt động dưới dạng tổ, nhóm, sinh hoạt tại gia đình… gây nhiều khó khăn trong quản lý.

*Đánh giá chung*

Bên cạnh những ghi nhận về kết quả công tác dân tộc, tín ngưỡng, tôn giáo, vẫn còn tồn tại những vấn đề về kinh tế - xã hội miền núi phát triển chậm do chưa phát huy hết tiềm năng, lợi thế vùng tại các địa phương; đời sống nhân dân còn nhiều khó khăn, tỷ lệ hộ nghèo còn cao. Kết cấu hạ tầng chưa đồng bộ, còn thiếu và yếu; nguồn vốn đầu tư chưa đáp ứng yêu cầu. Một số nơi tập tục lạc hậu vẫn còn diễn ra. Công tác thông tin, tuyên truyền, vận động thực hiện chưa thường xuyên, hiệu quả chưa cao. Nhận thức và trách nhiệm của một số cấp ủy, chính quyền, ban, ngành, tổ chức về thực hiện chính sách dân tộc thiểu số, phát triển kinh tế - xã hội miền núi chưa được đầy đủ; vẫn còn tư tưởng trông chờ, ỷ lại trong một bộ phận cán bộ và Nhân dân. Chất lượng nguồn nhân lực còn yếu, đội ngũ cán bộ cơ sở ở một số địa phương chưa đáp ứng yêu cầu.

## 2. Thực trạng văn hoá, thể thao

1. *Di tích, di sản*

Quảng Nam là tỉnh có số lượng di tích tương đối lớn có đến 433 di tích được xếp hạng; trong đó có 04 di tích quốc gia đặc biệt (có 02 di tích đồng thời là di sản văn hóa thế giới); 63 di tích cấp quốc gia và 365 di tích cấp tỉnh.

Di sản văn hóa phi vật thể, có 13 di sản được đưa vào Danh mục Di sản văn hóa phi vật thể quốc gia, bao gồm một số loại hình nghệ thuật truyền thống và một số nghề truyền thống[[1]](#footnote-1), trong đó “Nghệ thuật Bài chòi dân gian Trung Bộ Việt Nam” được UNESCO công nhận Di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại. Bên cạnh đó, chương trình “Sân khấu học đường”, đưa nghệ thuật truyền thống (tuồng và dân ca) vào giảng dạy thí điểm ở một số trường THCS[[2]](#footnote-2); hỗ trợ các Câu lạc bộ nghệ thuật truyền thống tại nhiều địa phương về trang thiết bị; tổ chức tập huấn đàn hát dân ca các Câu lạc bộ nghệ thuật truyền thống tại nhiều địa phương về trang thiết bị; tổ chức tập huấn đàn hát dân ca các xã xây dựng nông thôn mới…

Tuy nhiên do trải qua một quá trình lịch sử lâu dài, lại thường xuyên bị ảnh hưởng bởi thiên tai, thời tiết khắc nghiệt nên phần lớn những di tích lịch sử ở Quảng Nam đều đã bị xuống cấp và ngày càng nghiêm trọng. Qua khảo sát, toàn tỉnh hiện có 17/60 di tích quốc gia bị xuống cấp nghiêm trọng (tỷ lệ 28,33%), 57/300 di tích cấp tỉnh bị xuống cấp nghiêm trọng (tỉ lệ 19%) và 82/300 di tích cấp tỉnh hiện là phế tích hoặc không còn vết tích gì (tỉ lệ 27,33%). Tỉnh đã thực hiện Đề án thu bổ di tích cấp quốc gia, cấp tỉnh trên địa bàn tỉnh theo Quyết định số 3905/QĐ-UBND ngày 23/11/2010 của UBND tỉnh; Nghị quyết số 161/2015/ ngày 07/07/2015 của HĐND tỉnh Quảng Nam và Quyết định số 3486/QĐ-UBND ngày 28/9/2015 của UBND tỉnh Quảng Nam. Nhìn chung từ khi ban hành Nghị quyết 161 công tác trùng tu, tôn tạo di tích trên địa bàn tỉnh đạt được nhiều kết quả tích cực (trên 70% di tích đã được tu bổ, tôn tạo hoặc dựng bia/nhà bia), góp phần khắc phục tình trạng hư hỏng, xuống cấp của các di tích, nâng cao ý thức của người dân trong công tác bảo vệ, gìn giữ di tích. Một số di tích sau khi tu bổ đã phát huy được giá trị, là điểm đến của du khách, là nơi giáo dục truyền thống cho học sinh, thanh thiếu niên, là điểm sinh hoạt văn hóa tín ngưỡng của dòng tộc, làng xã…

1. *Xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh*

Quảng Nam đã xác định văn hóa là giá trị quan trọng của tỉnh.

Hết tháng 1/2020, toàn tỉnh có 359.757/400.428 hộ gia đình được công nhận gia đình văn hoá, tỷ lệ đạt 89.8%; 1.076/1.240 thôn, khối phố văn hoá, tỷ lệ đạt 86.7%; 97/207 xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới, tỷ lệ đạt 46.8%; 19/37 phường, thị trấn đạt chuẩn văn minh đô thị, tỷ lệ đạt 51,35%; 1.798/2.070 cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp đạt chuẩn văn hoá, tỷ lệ đạt 86,9%; 1.280/3.150 tộc họ đạt danh hiệu văn hóa; 1.234 thôn, khối phố có hương ước, quy ước.

Công tác gia đình được tỉnh quan tâm, đầu tư, nhận thức về vị trí, vai trò của gia đình trong từng cấp ủy, chính quyền và các tầng lớp nhân dân tăng lên. Kết quả trên đã tích cực góp phần củng cố nền tảng đạo đức, giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc.

1. *Các hoạt động văn hóa, thể thao, biểu diễn nghệ thuật*

Cuộc vận động “Toàn dân rèn luyện thân thể theo gương Bác Hồ vĩ đại” được các cấp, ngành, địa phương triển khai.

* Thể thao quần chúng: Tỷ lệ người tập TDTT thường xuyên tăng từ 22,41% năm 2011 lên 32,22 năm 2020; Tỷ lệ hộ gia đình tập luyện TDTT đạt 15,67 % năm 2011 lên 21,52% năm 2020; số câu lạc bộ thể thao tăng từ 726 năm 2010 lên 1040 câu lạc bộ năm 2020; 100% cán bộ, chiến sĩ lực lượng vũ trang đạt tiêu chuẩn rèn luyện thể thao theo quy định.
* Thể thao trường học: 100% trường học thực hiện giáo dục thể chất có nề nếp; 100% trường học đảm bảo giờ học thể dục nội khóa; tỷ lệ trường hoạt động thể thao ngoại khóa thường xuyên đạt từ 82,05% năm 2011 lên 86,84% năm 2020; có 899 giáo viên, trình độ đại học TDTT, trên đại học, cao đẳng, trung cấp.
* Thể thao thành tích cao: Số lượng vận động viên tham gia thi đấu các giải cấp tỉnh hằng năm tăng từ 10-15%; có hơn 500 giải thể thao cấp huyện, hơn 150 giải của các sở, ban ngành và hơn 150 giải của các sở, ban ngành và hơn 5000 giải thể thao cấp xã được tổ chức. Lực lượng VĐV tăng dần theo từng năm và phân bố đủ ở 4 tuyến; thành tích thể thao của VĐV có tiến bộ thể hiện qua số huy chương các loại đạt được tại các giải thi đấu tăng (năm 2016 đạt 91 huy chương, năm 2017 đạt 108 huy chương, năm 2018 đạt 157 huy chương, đến tháng 10 năm 2019 đạt 164 huy chương (cơ bản đạt chỉ tiêu so với kế hoạch đề ra đến năm 2020 đạt 170 huy chương; Đại hội TDTT toàn quốc lần thứ VIII năm 2018, Đoàn thể thao Quảng Nam đạt 23 huy chương vàng xếp vị trí thứ 32/65 tỉnh thành, ngành trong cả nước (chưa đạt so với kế hoạch đề ra xếp vị thứ 25-30/65 tỉnh, thành, ngành trong cả nước).
* Hoạt động biểu diễn nghệ thuật: Bám sát sự chỉ đạo của Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh và sự hướng dẫn về chuyên môn của Cục Nghệ thuật biểu diễn, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch Quảng Nam phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan đã thực hiện nghiêm túc công tác quản lý nhà nước và tổ chức các hoạt động nghệ thuật biểu diễn theo đúng các quy định. Đồng thời chỉ đạo Thanh tra Sở thường xuyên phối hợp với các địa phương, đơn vị kịp thời kiểm tra nhắc nhở, chấn chỉnh các đơn vị tổ chức biểu diễn, do vậy trong năm qua, trên địa bàn tỉnh chưa có trường hợp vi phạm bị xử lý.

1. *Hệ thống cơ sở vật chất phục vụ công tác văn hóa, thể thao*

Từ tỉnh đến cơ sở được quan tâm đầu tư và đang từng bước hoàn thiện, phát huy vai trò nòng cốt trong tổ chức các hoạt động tuyên truyền phục vụ nhiệm vụ chính trị, xã hội trên địa bàn, góp phần nâng cao chất lượng hoạt động văn hóa, thể thao cơ sở.

* Tỉnh Quảng Nam, tổng số lượng thiết chế ở các cấp là 2.044, cụ thể:
* Cấp thôn khối, phố: 1.484 thiết chế trong đó có 244 sân bóng chuyền, 1.240 nhà văn hóa;
* Cấp xã: Tổng 465 thiết chế với 182 sân vận động (sân bóng đá); 215 trung tâm VH-TT xã, phường, thị trấn, 68 các thiết chế khác;
* Cấp huyện, thị xã, thành phố: Tổng 91 cơ sở với 16 nhà đa năng, 17 sân vận động, 58 thiết chế khác;
* Cấp tỉnh: 4 thiết chế bao gồm: 1 sân vận động, 1 nhà thi đấu thể thao, 2 nhà tập luyện TDTT, Trung tâm Đào tạo và thi đấu TDTT; Ký túc xá VĐV.
* Ngoài ra, tỉnh Quảng Nam lắp đặt 41 bộ dụng cụ thể thao ngoài trời cho tất cả các địa phương trong tỉnh (trong đó Điện Bàn lắp thêm 17 dụng cụ cho các xã và xây mới 5 hồ bơi cố định. Xã Đại Nghĩa (huyện Đại Lộc) xây mới nhà thi đấu thể thao. huyện Duy Xuyên xây dựng trung tâm văn hóa, thể thao.
* Tỉnh Quảng Nam, hiện có 4 nhà thi đấu, sân vận động, đạt vượt chỉ tiêu đề ra đến năm 2020 có 03 công trình bao gồm: nhà thi đấu, sân vân động, bể bơi; có 17/18 huyện, thị xã, thành phố có 2/3 công trình thể dục thể thao: Nhà tập luyện, sân vận động, bể bơi (chưa đạt so với chỉ tiêu đề ra đến năm 2020 có 18/18 huyện, thị xã, thành phố có 2/3 công trình thể dục thể thao); 209/244 xã có thiết chế thể thao tại trung tâm VHTT xã, đạt 85% so với chỉ tiêu đề ra đến năm 2020 có 244/244 xã có thiết chế thể thao tại trung tâm VHTT xã.

Hiện có 182 sân bóng đã 11 người (trong đó 112 sân đạt chuẩn), 47 bể bơi, hồ bơi (xây dựng và lắp ghép); 286 CLB thể dục thể thao hoạt động thường xuyên. Các điểm vui chơi cho trẻ em (chủ yếu là các khu vui chơi tư nhân, các điểm vui chơi tại các trường Mẫu giáo, công viên: Hiện nay, tỉnh Quảng Nam có 373 điểm vui chơi cho trẻ em và người cao tuổi (kể cả tư nhân và nhà nước), trong đó, cấp tỉnh: 4 điểm, cấp huyện: 8 điểm, cấp xã: 141 điểm và thôn; 220 điểm.

*Đánh giá chung*

* Các mặt thuận lợi

Trong những năm qua, nguồn lực đầu tư cho phát triển văn hóa nói chung, xây dựng và hoàn thiện các thiết chế văn hóa – thể thao nói riêng ngày càng được tăng cường; các văn bản của Trung ương, tỉnh về chủ trương khuyến khích đẩy mạnh xã hội hóa ngày càng được hoàn thiện.

Công tác xây dựng thiết chế - văn hóa thể thao cơ sở luôn nhận được sự quan tâm các cấp và sự hưởng ứng nhiệt tình của nhân dân, cùng với việc lồng ghép các nguồn vốn hỗ trợ từ Trung ương, tỉnh cùng với nguồn vốn hỗ trợ từ Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới. Bên cạnh đó, nguồn xã hội hóa cũng tạo điều kiện thuận lợi cho các địa phương xây dựng, cải tạo, nâng cấp, từng bước hoàn thiện hệ thống thiết chế văn hóa góp phần phục vụ tốt nhiệm vụ tuyên truyền các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước đáp ứng nhu cầu hưởng thụ, sáng tạo, bảo tồn các giá trị văn hóa truyền thống, tinh thần phát huy bản sắc văn hóa dân tộc; củng cố khối đại đoàn kết toàn dân.

Về công tác xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh, phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” và cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh”, gắn với việc đẩy mạnh “Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh”.

* Các mặt khó khăn

Về công tác bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa: Một số di tích tuy rất cấp thiết nhưng chưa được triển khai đầu tư theo lộ trình.

Công tác quản lý đầu tư chưa được phân cấp, phân công rõ ràng. Công tác phối hợp giữa các cơ quan liên quan trong quá trình tu bổ phải đảm bảo yếu tố lịch sử, kiến trúc, mỹ thuật và khoa học của các di tích chưa được thường xuyên, hiệu quả.

* Về phân bổ nguồn lực đầu tư đã có quan tâm nhưng chưa đồng bộ chủ yếu tập trung các xã xây dựng nông thôn mới còn các thôn, xã vùng sâu, vùng xa ở khu vực miền núi, đồng bào dân tộc thiểu số; nhiều Nhà văn hóa cấp thôn (Nhà làng truyền thống) xây dựng đã lâu nay xuống cấp nhưng nguồn vốn hỗ trợ sửa chữa chưa kịp thời.
* Về hoạt động nghệ thuật, biểu diễn vẫn còn một số khó khăn như tuổi đời, tuổi nghề của đội ngũ nghệ sĩ, diễn viên ngày càng cao trong khi đội ngũ diễn viên kế thừa, bổ sung còn ít, cùng với đó là các chế độ ưu đãi, khuyến khích, khen thưởng cho cán bộ, diễn viên, nghệ sĩ của Đoàn Ca kịch chưa phù hợp, còn thấp so với nhu cầu thực tế, dẫn đến một số nghệ sĩ, diễn viên chưa thực sự toàn tâm, toàn ý với nghề và chưa thu hút được nguồn nhân lực mới bổ sung.

Ngoài ra, còn có một số khó khăn hạn chế khác có thể kể đến như các khu vui chơi giải trí công cộng còn hạn chế chưa đáp ứng nhu cầu sinh hoạt của nhân dân; Kinh phí hoạt động tại Trung tâm Văn hóa – Thể thao cấp xã, Nhà văn hóa – Khu thể thao cấp thôn còn hạn chế, nhiều địa phương gặp nhiều khó khăn trong tổ chức hoạt động; Đội ngũ cán bộ làm công tác văn hóa, thể thao cơ sở thường xuyên thay đổi, kiêm nhiệm nhiều chức vụ nên công tác tổ chức, quản lý chưa hiệu quả

## 3. Thực trạng giáo dục và đào tạo:

1. *Giáo dục mầm non, phổ thông*

Toàn Tỉnh có 452 đơn vị trường học. Bao gồm trường mầm non - mẫu giáo 285 trường; trường tiểu học 239 trường; trường THCS: 187 trường;

Trường THPT có 54 trường.

Công tác xây dựng trường chuẩn Quốc gia đạt 66,4%.

1. *Giáo dục nghề nghiệp*

Hệ thống giáo dục chuyên nghiệp tại địa bàn tỉnh có 3 trường đại học (2 công lập, 1 ngoài công lập) - do Bộ quản lý; Hệ thống giáo dục chuyên nghiệp - Sở quản lý có 38 cơ sở GDNN (14 cơ sở công lập, 24 cơ sở ngoài công lập). Bao gồm, 8 trường cao đẳng (4 công lập, ngoài 4 công lập), 8 trường trung cấp (5 công lập, 3 ngoài công lập).

Ngoài ra, trong tỉnh còn có 9 Trung tâm giáo dục nghề nghiệp đào tạo (3 công lập, 6 ngoài công lập); và 9 cơ sở khác có tham gia giáo dục nghề nghiệp (2 công lập, 7 ngoài công lập).

*Đánh giá chung*

Chất lượng giáo dục hệ phổ thông ngày càng được nâng lên. Giáo dục nghề nghiệp từng bước được đầu tư nâng cao chất lượng theo yêu cầu của thị trường lao động. Mạng lưới trường, lớp của tỉnh (hiện có 9 huyện miền núi (251 trường, 3.057 lớp) còn khó khăn) đã được quy hoạch, sắp xếp lại phù hợp với hệ thống giáo dục quốc dân sát với tình hình thực tế địa phương, cơ bản đáp ứng nhu cầu đào tạo nguồn nhân lực của tỉnh, nhu cầu học tập của Nhân dân.

## 4. Thực trạng y tế, chăm sóc sức khỏe nhân dân

1. *Phát triển mạng lưới y tế và khám chữa bệnh cho nhân dân*

Công tác y tế, chăm sóc sức khỏe nhân dân ngày càng được cải thiện. Mạng lưới y tế cơ sở được nâng cấp và phát triển; cơ sở vật chất được tăng cường, trang thiết bị được đầu tư dần theo hướng chuyên sâu, hiện đại, đội ngũ cán bộ y tế và chất lượng khám chữa bệnh ngày càng tăng.

Phát triển mạng lưới y tế thời gian qua được quan tâm đầu tư, nâng cấp, mở rộng, từng bước đáp ứng yêu cầu chăm sóc sức khoẻ nhân dân. Tính đến hết năm 2020, mạng lưới y tế tỉnh Quảng Nam có 01 Bệnh viện đa khoa Trung ương, 02 Bệnh viện đa khoa khu vực, 287 cơ sở y tế do địa phương quản lý, gồm 36 bệnh viện, 01 bệnh viện da liễu, 09 phòng khám đa khoa khu vực và 241 trạm y tế xã, phường, thị trấn. Nhìn chung, mạng lưới y tế được quan tâm cho tất cả các tuyến, trong đó đáng chú ý là việc các bệnh viện tuyến tỉnh được tập trung vốn đầu tư theo quy mô hiện đại, thiết bị y tế chuyên sâu; các trung tâm y tế cũng đã được nâng cấp, nhiều trạm y tế được nâng cấp, cải tạo và xây mới theo chủ trương xây dựng và phát triển mạng lưới y tế cơ sở.

Cùng với việc phát triển mạng lưới cơ sở y tế, số giường bệnh cũng được tăng

cường, đáp ứng nhu cầu khám chữa bệnh ngày càng tốt hơn. Tính đến 31/12/2020, toàn tỉnh có 7.890 giường. Trong đó có có 6.545 giường tại cơ sở bệnh viện, chiếm 82,9% tổng số giường; số giường bệnh tại 9 phòng khám đa khoa khu vực là 90 giường. Số giường bệnh bình quân 1 vạn dân đạt gần 52,4 giường.

Hầu hết các cơ sở y tế công lập tuyến tỉnh và tuyến huyện được đầu tư xây dựng mới đang trong giai đoạn hoàn thiện từ nguồn vốn trái phiếu chính phủ, vốn ODA và ngân sách tỉnh. Từ 2010, có 4 cơ sở y tế (là Bệnh viện Đa khoa khu vực Quảng Nam, Trung tâm y tế huyện Đông Giang, Trung tâm y tế huyện Bắc Trà My, Trung tâm y tế Điện Bàn) đã có kế hoạch đầu tư từ nguồn vốn hỗ trợ y tế vùng duyên hải Nam Trung Bộ do ADB tài trợ. Tuy nhiên, đến nay, còn một số cơ sở y tế cần tiếp tục đầu tư vì xuống cấp như Trung tâm y tế huyện Tiên Phước, Trung tâm Y tế huyện Nam giang, Trung tâm y tế huyện Duy Xuyên. Đặc biệt, cần phải đầu tư xây mới và sửa chữa nâng cấp trạm y tế xã để đảm bảo đạt chuẩn quốc gia về y tế xã.

Bên cạnh việc phát triển y tế công, công tác xã hội hóa bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân cũng được đẩy mạnh. Các cơ sở y tế tư nhân đã tham gia hoạt động khám chữa bệnh và dịch vụ chăm sóc sức khoẻ, có vai trò tích cực trong việc đưa dịch vụ y tế tới gần dân. Đến năm 2020, tỉnh Quảng Nam đã có 7 bệnh viện ngoài nhà nước tham gia hoạt động khám chữa bệnh và chăm sóc sực khỏe nhân dân, với 1.435 giường bệnh, góp phần tích cực giảm tải cho hệ thống y tế công lập và nâng cao chất lượng khám chữa bệnh tại địa phương. Hoạt động của hệ thống hành nghề dược tư nhân góp phần cung ứng thuốc thiết yếu có chất lượng, giá cả tương đối ổn định phục vụ nhu cầu khám chữa bệnh. Tuy nhiên, nhìn chung, công tác xã hội hoá còn được xem chưa sâu rộng, chưa huy động đầy đủ khả năng đóng góp của nhân dân và các thành phần kinh tế trong xã hội.

Chất lượng điều trị, dịch vụ y tế được cải thiện. Khám, chữa bệnh cho người nghèo, trẻ em dưới 6 tuổi, đối tượng chính sách được quan tâm thực hiện. Bảo hiểm y tế bước đầu phát huy tác dụng. Nhân dân ở hầu hết các vùng, miền trong tỉnh đã được tiếp cận với dịch vụ y tế. Tuy nhiên, thực tế còn có sự chênh lệch lớn về mạng lưới và chất lượng dịch vụ y tế giữa khu vực đồng bằng và miền núi; khu vực thành thị và nông thôn, miền núi trong tỉnh

1. *Về công tác y tế dự phòng*

Công tác y tế dự phòng, phòng chống dịch bệnh được thực hiện tích cực, khống chế, ngăn chặn kịp thời; các bệnh xã hội có xu hướng giảm. Công tác phòng, chống dịch bệnh, vệ sinh an toàn thực phẩm được kiểm soát tốt nên hạn chế được các dịch bệnh nguy hiểm. Một số bệnh truyền nhiễm do thời tiết như bệnh tay, chân, miệng; sốt xuất huyết; tiêu chảy; thủy đậu, quai bị vẫn xảy ra song đa số đều được chữa trị kịp thời, không để xảy ra tử vong. Tỷ lệ trẻ em dưới 05 tuổi suy dinh dưỡng cân nặng theo tuổi giảm từ 13,2% năm 2016 còn 10% năm 2020; tỷ lệ trẻ em dưới 05 tuổi suy dinh dưỡng chiều cao theo tuổi giảm từ 26,7% năm 2016 xuống 22% năm 2020.

1. *Về công tác bảo đảm an toàn thực phẩm (ATTP)*

Công tác kiểm tra giám sát, tuyên truyền được tổ chức thường xuyên, đặc biệt ở những nơi tập trung đông dân cư; an toàn vệ sinh thực phẩm cơ bản được đảm bảo, không để xảy ra các vụ ngộ độc lớn.

Mạng lưới thực hiện công tác bảo đảm ATTP được duy trì và hoạt động hiệu quả: Các Trung tâm y tế đều có khoa An toàn vệ sinh thực phẩm, các trạm y tế xã đều có cán bộ chuyên trách ATTP; Công tác tuyên truyền về bảo đảm ATTP được triển khai với nhiều hình thức đa dạng, hiệu quả.

Công tác thẩm định, cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP đối với các cơ sở dịch vụ ăn uống được thực hiện có hiệu quả. Công tác kiểm tra, giám sát được thực hiện hàng năm, đều có trên…% các cơ sở kinh doanh chế biến thực phẩm đạt tiêu chuẩn an toàn vệ sinh thực phẩm. Tuy nhiên, do nguồn lực có hạn nên chỉ thực hiện kiểm tra, giám sát đầu ra của sản phẩm và mới tập trung kiểm tra, giám sát ở các khu trung tâm thị trấn, thành phố, còn khu vực miền núi ít được thực hiện hơn.

# III. Phương án phát triển hạ tầng xã hội

## 1.Văn hoá, thể thao

### 1.1 Dân tộc, tín ngưỡng, tôn giáo

#### 1.1.1 Mục tiêu:

Mục tiêu chung:

Thu hẹp dần khoảng cách về mức sống, thu nhập của đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi so với bình quân trong vùng và trên cả nước. Thực hiện thành công chương trình Mục tiêu Quốc gia phát triển kinh tế-xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030.

Khai thác tối đa tiềm năng, lợi thế của địa phương, thúc đẩy quảng bá văn hóa dân tộc, lễ hội, sản vật dân tộc phục vụ du lịch và tăng trưởng kinh tế địa phương. Giữ gìn bản sắc văn hóa tốt đẹp của các dân tộc thiểu số đi đôi với xóa bỏ phong tục tập quán lạc hậu.

Tập trung nguồn lực để sắp xếp, bố trí ổn định dân cư vùng nguy cơ cao về thiên tai; đầu tư kết cấu hạ tầng đồng bộ phục vụ sản xuất, sinh hoạt và y tế, giáo dục - đào tạo, văn hóa, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực.

Nâng cao niềm tin của đồng bào dân tộc thông qua các chính sách phục vụ vì lợi ích người dân các tỉnh miền núi, kết nối mối liên hệ và tình dân tộc giữa các dân tộc trên toàn tỉnh.

Mục tiêu cụ thể đến năm 2030:

Giảm tỷ lệ hộ nghèo xuống còn dưới 2%.

Thu nhập bình quân đầu người bằng 1/2 bình quân chung của cả nước.

Tỷ lệ lao động nông nghiệp khoảng 40% lao động xã hội; tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt trên 75%.

Tỷ lệ độ che phủ rừng đạt trên 70%.

Số xã đạt chuẩn nông thôn mới khoảng 90%. Phấn đấu có ít nhất 60% số thôn được công nhận đạt chuẩn thôn nông thôn mới nâng cao, kiểu mẫu.

Có trên 85% số xã, thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi có kết cấu hạ tầng đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội và đời sống của người dân.

Hoàn thành việc bố trí sắp xếp và ổn định dân cư gắn với quy hoạch xây dựng nông thôn mới và đảm bảo phòng tránh thiên tai; 100% số hộ dân đồng bào dân tộc thiểu số được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh. - Có 100% thôn có nhà sinh hoạt cộng đồng; 65% thôn có đội văn hóa, văn nghệ (câu lạc bộ) truyền thống hoạt động thường xuyên, có chất lượng.

100% đồng bào dân tộc thiểu số tham gia bảo hiểm y tế

**Phương án phát triển:**

Tổ chức rà soát, báo cáo nhu cầu danh mục công trình dự án cơ sở hạ tầng, nhà ở, đất ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt; rà soát, báo cáo nhu cầu và khái toán các dự án, tiểu dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Quảng Nam, giai đoạn 2021-2025.

Đối với các địa phương miền núi, tỉnh Quảng Nam cần tập trung bảo vệ, phát triển rừng, bảo tồn đa dạng sinh học gắn với phát triển kinh tế rừng và lâm sản ngoài gỗ. Thực hiện đề án trồng 1 tỷ cây xanh, đề án hỗ trợ trồng rừng gỗ lớn giai đoạn 2021 - 2025. Sớm triển khai thí điểm kinh doanh tín chỉ các-bon rừng từ giảm phát thải khí nhà kính thông qua chống mất rừng và suy thoái rừng (REED+ ); phát triển sâm Ngọc Linh và dược liệu, xây dựng vườn bảo tồn và phát triển cây dược liệu quốc gia; bảo tồn, phát triển cây Quế Trà My tại các địa phương có khả năng phát triển; việc phát triển dược liệu dưới tán rừng phải gắn với bảo vệ rừng.

Vì mục tiêu giảm nghèo bền vững, tổ chức triển khai sắp xếp dân cư nhằm phòng chống và ứng phó với thiên tai, bão lũ, đảm bảo an toàn kinh tế và đời sông của người dân trước những bất ổn về thời tiết. Đồng thời, nâng cao hạ tầng kỹ thuật như hạ tầng điện, giao thông, các cơ sở giáo dục, y tế. Ưu tiên kết nối hạ tầng giao thông dọc theo trục Tây Bắc – Tây Nam và đảm bảo hạ tầng cấp thoát nước phục vụ mục tiêu xây dựng nông thôn mới.

Phát triển kinh tế vườn, kinh tế trang trại, sản phẩm OCOP gắn với phát triển du lịch cộng đồng thông qua triển khai các chính sách và thể hiện mối lưu tâm tới công tác “chuyển đổi số, kinh tế số” không chỉ áp dụng cho khu vực đô thị, khu vực miền núi và nông thôn cũng cần được quan tâm và xây dựng lộ trình thực hiện nhằm thúc đẩy kinh tế địa phương, cải thiện kết nối liên vùng.

### 1.2 Hệ thống văn hoá, nghệ thuật, TDTT vùng

*Mục tiêu:*

Xây dựng thiết chế văn hóa bền vững và hình thành rõ nét nếp sống văn minh. Các giá trị văn hóa vật thể, phi vật thể và bản sắc văn hóa truyền thống được gìn giữ, bảo tồn và phát huy giá trị trong giai đoạn hội nhập và phát triển mới.

*Phương án phát triển:*

- Phân bố trung tâm chính trị - hành chính: Trung tâm chính trị - hành chính bao gồm các cơ quan Đảng, chính quyền các cấp (tỉnh, huyện, xã) được đặt tại các trung tâm thành phố, thị xã, huyện và trung tâm các xã, phường, thị trấn (đối với cấp xã).

* Nâng cấp, cải tạo trung tâm văn hóa, TDTT, bảo tàng… hiện có; xây dựng các trung tâm văn hóa, TDTT, nhà văn hóa, nhà thiếu nhi tại các đô thị hình thành mới theo định hướng quy hoạch chung đô thị. Tập trung đầu tư hoàn chỉnh khu thể thao tại KĐT Thanh Hà-Hội An; tổ chức sắp xếp các sân vận động, sân TDTT; các khu công viên công cộng như công viên Hội An, công viên Cù Lao Chàm, công viên đài tưởng niệm Cẩm Thanh, Cẩm Châu, tiểu công viên khu di tích Cây Thông Một...

Duy trì, nâng cấp hệ thống cây xanh trong các đơn vị ở, cây xanh đô thị đảm bảo đảo theo tiêu chuẩn đô thị loại I, bán kính phục vụ; Các công viên chuyên đề gắn với khu vực có cảnh quan thiên nhiên, giá trị lịch sử.

* Bảo tồn và phát huy di sản thiên nhiên và nhân văn; Bảo tồn và phát triển làng nghề Gốm Thanh Hà, mộc Kim Đồng, các làng nghề thủ công truyền thống gắn với hoạt động du lịch. Thu hút đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng điểm du lịch Suối Cái, Hòn Kẽm Đá Dừng, Khu di tích khu V… Từng bước hình thành chuỗi liên kết du lịch trên cơ sở khai thác các danh lam thắng cảnh, di tích lịch sử.

Phát triển các khu du lịch và các điểm du lịch ven biển;

Đẩy mạnh phát triển công nghiệp theo hướng công nghiệp sinh thái;

Hình thành các khu nông nghiệp vành đai quanh các khu du lịch, các đô thị. Đa dạng hóa các sản phẩm nông nghiệp để có nhiều sản phẩm thương mại có giá trị cao như rau quả, hoa, cây ươm;...

Phát triển các ngành liên quan đến kinh tế biển, tăng cường trong công tác quản lý bảo vệ và sử dụng nguồn nước. Bên cạnh đó, cần thúc đẩy đầu tư, sớm nâng cấp và phát triển hệ thống mạng lưới cơ sở hạ tầng quan trọng như: cảng Kỳ Hà, sân bay Chu Lai, cầu Cửa Đại, các tuyến đường trục ngang, các tuyến đường tỉnh kết nối với các tuyến quốc lộ và vùng miền núi phía Tây của tỉnh; hạ tầng kỹ thuật các đô thị, khu công nghiệp và các khu, điểm du lịch,...

Phát triển các khu công viên, cây xanh, vùng mở ven biển, ven sông.

Tôn tạo và khôi phục các khu phố cổ nhà cổ, hạn chế xây nhà cao tầng, chú trọng vấn đề cảnh quan, môi trường đô thị, giãn dân cư từ khu phố cổ và đồng thời hình thành các khu dân cư mới, mở rộng thị xã về phía bắc Cẩm Hà và phía bắc Sơn Phong.

Các trung tâm hội chợ triển lãm được đầu tư xây dựng đặt tại thành phố Tam Kỳ và huyện Núi Thành;

Nâng cao chất lượng đời sống văn hóa tinh thần cho người dân; bảo tồn phát huy các giá trị văn hóa Cơ Tu gắn với phất triển du lịch. Tiếp tục bảo tồn và khôi phục nhũng nét đẹp truyền thống văm hóa của tộc người Cơ Tu. Đẩy mạnh phong trào “ toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” gắn với xây dựng nông thôn mới, xây dựng cơ quan, đơn vị, địa phương kiểu mẫu. Trùng tu tôn tạo, phát huy các giá trị di tích văn hóa gắn với phát triển du lịch. Củng cố, nâng cao chất lượng công tác thông tin tuyên truyền trên các phương tiện truyền thông đại chúng góp phần phục vụ phát triển kinh tế xã hội. Chú trọng đầu tư nâng cao chất lượng phương tiện kỹ thuật và nội dung các chương trình phát thanh truyền hình.

Duy trì, bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa truyền thống của làng quê, của cư dân vùng sông nước Thu Bồn, trong đó chú trọng bảo tồn và phát huy các loại hình nghệ thuật như tuồng, dân ca xứ Quảng. Trùng tu tổng thể khu di tích Dinh bà Thu Bồn. Khôi phục, bảo tồn các di tích lịch sử - văn hóa trên địa bàn huyện như: chiến khu Hoàng Văn Thụ, căn cứ Tân Tỉnh, xưởng cơ khí Cao Thắng, hang Hố Lù (căn cứ Huyện ủy Quế Sơn đầu những năm 1960), nâng cấp bia chiến thắng Nông Sơn - Trung Phước.

Đầu tư nâng cao chất lượng hội thao các huyện miền núi. Xây dựng và phát triển hệ thống thi đấu thể dục, thể thao quần chúng cả về số lượng và chất lượng; tăng trưởng từ 8-10% vận động viên/năm ở các giải đấu cấp tỉnh.

Đảm bảo các huyện, xã đều có quy hoạch quỹ đất đủ chuẩn theo quy định dành cho thể dục thể thao. Phấn đấu đến 2015, 100% các huyện, thành phố hoàn chỉnh thiết chế thể dục thể thao cấp rên cơ sở nâng cấp, xây mới mạng lưới sân vận động, nhà thi đấu cấp huyện và đến 2020, xây dựng hoàn chỉnh mạng lưới sân thể thao nằm trong trung tâm văn hóa thể thao tại các xã đảm bảo tiêu chuẩn quy hoạch xây dựng nông thôn mới. Huy động các nguồn lực xã hội trong việc xây dựng cơ sở vật chất để tổ chức các hoạt động thể thao.

## 2. Hệ thống giáo dục, đào tạo vùng

*Mục tiêu:*

Hệ thống giáo dục quốc dân phát triển cân bằng, toàn diện. Các tiêu chuẩn về đào tạo và các điều kiện về hạ tầng, cơ sở vật chất, trang thiết bị giáo dục đảm bảo thích ứng quá trình đổi mới giáo dục. Hệ thống phòng học, khu thí nghiệm, thực hành và trang thiết bị dạy học được chuẩn hóa, hiện đại hóa.. Cơ hội tiếp cận chương trình giáo dục phổ thông và chương trình đào tạo nghề cho học sinh, thanh niên được nâng lên đáng kể.

*Phương án phát triển:*

Tiếp tục đầu tư, nâng cấp cơ sở vật chất các trường học hiện có đảm bảo nâng cao chất lượng dạy và học cho các cấp học; bố trí quỹ đất xây dựng trường học các cấp đáp ứng yêu cầu theo từng giai đoạn phát triển; định hướng xây dựng mới (trung tâm đào tạo nguồn nhân lực khu vực đường Lê Thánh Tông) theo định

hướng quy hoạch chung đô thị được duyệt.

Thực hiện xã hội hóa giáo dục, mở rộng giáo dục cộng đồng, nâng cao chất lượng giáo dục, chú trọng phát triển giáo dục các xã vùng cao, vùng xa nhằm nâng cao trình độ dân trí, tạo nguồn nhân lực đáp ứng với nhu cầu phát triển kinh tế-xã hội tại địa phương, đồng thời củng cố vững chắc kết quả phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi, phổ cập trung học cơ sở, đẩy mạnh thực hiện phổ cập giáo dục trung học phổ thông; Đầu tư xây dựng các hạng mục phụ trợ tại các điểm trường xã, thôn đã được đầu tư như: Nhà ăn, khu vệ sinh, nhà thư viện, tường rào, cổng ngõ…

Tiếp tục đầu tư, nâng cấp cơ sở vật chất 02 trường THPT Phan Chu Trinh và THPT Huỳnh Thúc Kháng đạt chuẩn tại huyện Tuy Phước.

## 3. Giáo dục nghề nghiệp

Thực hiện có hiệu quả việc xét, tuyển chọn con em dân tộc thiểu số đi đào tạo tại các trường đại học, cao đẳng chính quy để tạo nguồn cán bộ, thực hiện chính sách hỗ trợ và thu hút người có bằng đại học, cao đẳng và có kinh nghiệm về cơ sở công tác; Tích cực đào tạo nghề qua các chương trình nông nghiệp, khuyến nông, khuyến công, các loại hình dịch vụ để đáp ứng nhu cầu lao động có tay nghề ở các cụm công nghiệp, TTCN và các tổ chức kinh tế.

Đẩy mạnh việc triển khai chương trình dạy nghề cho người trong độ tuổi lao động. Có chính sách hỗ trợ đào tạo nghề cho lao động thuộc hộ nghèo, dân tộc thiểu số; thúc đẩy sự liên kết, hợp tác giữa doanh nghiệp với các cơ sở dạy nghề để đào tạo nghề và tuyển dụng lao động; phát triển dạy nghề lưu động, tạo điều kiện thuận lợi cho các nhóm đối tượng khó khăn, yếu thế được tham gia học nghề và tự tạo việc làm; hỗ trợ doanh nghiệp thực hiện các chương trình đào tạo, nâng cao kỹ năng, tay nghề. Thực hiện chương trình giải quyết việc làm đồng bộ, từ khâu hướng nghiệp, đào tạo nghề, tư vấn giới thiệu việc làm, đến hỗ trợ sản xuất. Ưu tiên đào tạo, dạy nghề phát triển nguồn nhân lực cho các ngành mũi nhọn của tỉnh như du lịch, y tế, lọc hóa dầu, cơ khí, điện tử, viễn thông,… Phát triển và nhân rộng các mô hình tạo việc làm, hỗ trợ phát triển doanh nghiệp vừa và nhỏ, các trang trại, làng nghề, đặc biệt là các loại hình kinh doanh thu hút nhiều lao động; các mạng lưới trung tâm giới thiệu việc làm, sàn giao dịch việc làm tại các huyện, xã; tăng tỷ lệ lao động tìm việc làm qua các trung tâm giới thiệu việc làm. Nâng tỷ lệ sử dụng thời gian lao động ở nông thôn lên 85-90%, đảm bảo cho người lao động có việc làm thường xuyên. Tạo môi trường để hầu hết số người trong độ tuổi lao động đều có cơ hội có công ăn việc làm trong các cơ quan nhà nước, trong các cơ sở kinh tế khác hoặc tụ thân lập nghiệp.

## 4. Hệ thống y tế vùng

*Mục tiêu:*

Xây dựng và phát triển mạng lưới y tế, chăm sóc sức khỏe hiện đại, đồng đều, vừa phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội, vừa đáp ứng được nhu cầu khám chữa bệnh của người dân của từng địa phương trong Vùng. Nhân lực y tế đảm bảo đạt 15 bác sĩ/vạn dân. Số giường bệnh đáp ứng được từ 35 - 40 giường/vạn dân. Mỗi cụm động lực đều có các cơ sở y tế chuyên sâu được đầu tư xây dựng.

*Phương án phát triển:*

Định hướng Quy hoạch ngành y tế Quảng Nam đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030 liên quan đến cơ sở y tế công lập tuyến huyện có cơ sở hạ tầng của các đơn vị trực thuộc tuyến huyện, xã: 100% các cơ sở y tế công lập tuyến huyện có cơ sở hạ tầng kiên cố đạt Chuẩn Quốc gia y tế xã theo vùng.

Ưu tiên đầu tư nâng cấp hệ thống trung tâm y tế tuyến huyện, hệ thống trường dạy nghề, các khu tái định cư cho các khu vực thực hiện dự án thuỷ điện và khu vực có nguy cơ sạt lở, và hệ thống đường ô tô đến các trung tâm xã.

Ưu tiên đầu tư nâng cấp hệ thống bệnh viện đa khoa khu vực miền núi, hệ thống trường dạy nghề, các phân khu chức năng của KKT cửa khẩu quốc tế Nam Giang; Đầu tư xây dựng Bệnh viện mới tại phường Thanh Hà; hình thành mới các Bệnh viện đa khoa tư nhân như BV Vĩnh Đức, bệnh viện đa khoa Bắc Quảng Nam tại thị xã Điện Bàn theo định hướng quy hoạch chung được duyệt; hình thành mới phòng khám đa khoa tại các khu công nghiệp; xây dựng trạm y tế các xã đạt chuẩn quốc gia theo tiêu chí xây dựng nông thôn mới; xúc tiến, kêu gọi đầu tư các bệnh viện tư nhân nhằm đáp ứng nhu cầu khám, chữa bệnh của người dân theo từng giai đoạn phát triển.

1. Tiếp tục đầu tư nâng cấp bệnh viện đa khoa; hình thành mới các bệnh viện đa khoa ven sông Trường Giang và phòng khám đa khoa trong khu vực dân cư theo định hướng quy hoạch chung được duyệt; xây dựng trạm y tế các xã đạt chuẩn quốc gia theo tiêu chí xây dựng nông thôn mới nhằm đáp ứng nhu cầu khám, chữa bệnh của người dân theo từng giai đoạn phát triển; xúc tiến, kêu gọi đầu tư phòng khám đa khoa xã Bình Minh, Bình Trị-Thăng Bình; các bệnh viện tư nhân tại khu vực vùng Đông, vùng Trung theo định hướng quy hoạch chung; định hướng quy hoạch xây dựng KKTM Chu Lai được duyệt nhằm đáp ứng nhu cầu khám, chữa bệnh của người dân theo từng giai đoạn phát triển. Hình thành mới các Bệnh viện đa khoa tại đô thị Duy Hải - Duy Nghĩa tại huyện Duy Xuyên theo định hướng quy hoạch chung được duyệt.

## 5. Hạ tầng an sinh xã hội

***Mục tiêu:***

*Mục tiêu tổng quát:*

Các địa phương cơ bản đạt các chỉ tiêu về giảm nghèo bền vững. Tỷ lệ hộ nghèo toàn Vùng giảm còn dưới 2%.

Tiếp tục thực hiện hiệu quả mục tiêu giảm nghèo đa chiều, bền vững; giảm dần khoảng cách giàu nghèo giữa các vùng, miền; hạn chế tái nghèo và phát sinh nghèo mới; tăng cường đầu tư kết cấu hạ tầng cho các huyện nghèo, xã nghèo, thôn nghèo; hỗ trợ đào tạo nghề, tạo việc làm, sinh kế và tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản, thích ứng với biến đổi khí hậu cho người nghèo; cải thiện đời sống vật chất và tinh thần của người dân, góp phần đảm bảo an sinh xã hội và giảm nghèo bền vững, hoàn thành mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2021 - 2025.

*Mục tiêu cụ thể:*

Phấn đấu đến cuối năm 2025, tỷ lệ hộ nghèo của toàn tỉnh giảm còn 2,87% (trong đó, tỷ lệ hộ nghèo thuộc đối tượng bảo trợ xã hội khoảng 1,83%); khu vực đồng bằng còn dưới 1,5%, khu vực miền núi còn khoảng 10%; các phường, thị trấn ở các thành phố, thị xã không còn hộ nghèo (trừ hộ nghèo thuộc chính sách bảo trợ xã hội); tỷ lệ nghèo của các huyện nghèo, xã nghèo giảm bình quân từ 3 - 4%/năm; tỷ lệ nghèo trong đồng bào dân tộc thiểu số giảm mỗi năm trên 3%/năm.

Đến cuối năm 2025, tỷ lệ hộ cận nghèo của tỉnh giảm thấp hơn tỷ lệ hộ cận nghèo chung của cả nước. Phấn đấu 100% hộ nghèo, hộ cận nghèo tự giác đăng ký thoát nghèo được hỗ trợ kinh phí thực hiện kế hoạch thoát nghèo bền vững; đảm bảo nguồn vốn cho vay 100% hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo đủ điều kiện, có nhu cầu vay vốn phát triển sản xuất, kinh doanh; phấn đấu 100% người nghèo trong độ tuổi lao động, có nhu cầu học nghề được hỗ trợ đào tạo nghề, tập huấn và định hướng nghề nghiệp, được ưu tiên giới thiệu việc làm để có việc làm ổn định.

***Phương án phát triển:***

Đại hội Đảng bộ tỉnh Quảng Nam cuối năm 2020 đã thống nhất phương hướng, mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp giai đoạn 2020 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030 với 25 nhóm chỉ tiêu kinh tế - xã hội. Trong đó, Quảng Nam phấn đấu đến cuối năm 2025, tỉ lệ hộ nghèo của toàn tỉnh giảm còn 2,87% (trong đó, tỉ lệ hộ nghèo thuộc đối tượng bảo trợ xã hội khoảng 1,83%) và đặt mục tiêu đến năm 2025, tỉ lệ che phủ rừng đạt 61%.

Để đạt được kế hoạch đã đặt ra, tỉnh Quảng Nam cần có những chính sách nhằm nâng cao đời sống nhân dân, tạo sinh kế cho người dân đặc biệt là quan tâm đến các đối tượng nhạy cảm trong xã hội như hộ nghèo đa phương diện, những người có công, phụ nữ, trẻ em... Một số phương án phát triển có thể đặt ra đó là:

Tạo điều kiện để hỗ trợ phát triển sản xuất, triển khai đồng bộ các biện pháp phù hợp với từng vùng, hướng dẫn giúp đỡ bà con có hoàn cảnh nghèo khó, huy động sức người, sức của công đồng để xóa đói giảm nghèo. Đồng thời mở rộng và tăng cường các hoạt động tín dụng phục vụ người nghèo, tạo điều kiện cho nhân dân được vay thêm vốn để phát triển kinh tế và tăng thu nhập gia đình. Đối với phát triển công nghiệp bền vững theo chiều sâu, tỉnh sẽ xây dựng các khu, cụm liên kết ngành tham gia vào chuỗi giá trị toàn cầu; thu hút và phát triển nhóm ngành công nghiệp chủ lực; duy trì quy mô hiện tại, tăng giá trị sản xuất trực tiếp, giảm gia công đối với ngành Dệt may và công nghiệp hỗ trợ ngành May, da giày. Phát triển Khu kinh tế mở Chu Lai giai đoạn mới đến năm 2025, định hướng đến năm 2030, Quảng Nam đặt mục tiêu Chu Lai sẽ trở thành khu kinh tế động lực của vùng kinh tế trọng điểm miền Trung và cả nước. Đây là khu công nghiệp chuyên nông, lâm nghiệp nhằm thu hút các dự án công nghiệp chế biến, bảo quản sản phẩm phục vụ xuất khẩu quy mô lớn. phát triển dịch vụ tài chính, các nhóm dự án dịch vụ vận tải, hậu cần cảng và logistics gắn với cảng biển và sân bay Chu Lai; phấn đấu xây dựng Khu kinh tế mở Chu Lai trở thành trung tâm tài chính và dịch vụ logistics của vùng.

Tập trung các nguồn lực thực hiện giảm nghèo bền vững; giảm nghèo đa phương diện thông qua Chương trình, dự án giảm nghèo, tạo cơ hội cho người nghèo tiếp cận các chính sách về trợ giúp đất đai, tín dụng, dạy nghề, tạo việc làm, khuyến công, khuyến nông – lâm – ngư nghiệp và tiêu thụ sản phẩm; tập trung hỗ trợ tạo điều kiện cho các hộ nghèo phát triển sản xuất, tăng thu nhập và ổn định cuộc sống, đảm bảo hộ nghèo tự vươn lên thoát nghèo. Ngoài công tác phát triển kinh tế địa phương, kinh tế hộ gia đình, cần quan tâm tới giảm nghèo về cả phương diện xã hội. Tập trung nguồn lực nâng cấp hạ tầng xã hội như đường giao thông, hệ thống thoát nước thải, cung cấp đủ nước sạch cho người dân, tạo cảnh quan trong các khu ở, tạo thêm sân chơi cho trẻ em để trẻ em ở các hộ gia đình thuộc nhiều thành phần trong xã hội có cơ hội được đối xử bình đẳng.

Thông qua các số liệu điều tra hàng năm về dân số, phân bổ không gian và ổn định đời sống người dân, đảm bảo bình đẳng thực chất giữa nam và nữ về cơ hội, sự tham gia và thụ hưởng trên các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa và xã hội. Thực hiện các quyền trẻ em, bảo đảm cho trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt được bảo vệ, chăm sóc; tạo môi trường an toàn, lành mạnh để trẻ em được phát triển toàn diện, ngăn chặn và đẩy lùi các nguy cơ xâm hại trẻ em.

Quan tâm tới các công tác an toàn xã hội, đặc biệt đối với nhóm người thiếu kiểm soát như các bệnh nhân tâm thần, các đối tượng có liên quan đến ma túy. Nâng cao chất lượng công tác cai nghiện và quản lý sau cai; phòng ngừa, giảm phát sinh mới tệ nạn mại dâm dưới mọi hình thức... góp phần bảo đảm trật tự, an toàn xã hội. Bổ sung, xây dựng cơ sở hạ tầng như Trung tâm Điều dưỡng người tâm thần Quảng Nam và Cơ sở Cai nghiện ma túy Quảng Nam đảm bảo quy mô tiếp nhận từ 500 - 550 đối tượng/cơ sở.

1. Múa tân tung da dá, Nói lý hát lý của đồng bào Cơ tu, Nghệ thuật Bài Chòi, Khai thác yến sào Thanh Châu, gốm Thanh Hà – Hội An. [↑](#footnote-ref-1)
2. Trên địa bàn các huyện Duy Xuyên, Quế Sơn, Điện Bàn, Đại Lộc, Hội An, Phú Ninh, Tam Kỳ, Thăng Bình… [↑](#footnote-ref-2)